TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/DS - ST
Ngày: 23 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG -TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Chủng.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Chỉnh.
2. Ông Đàm Văn Kiều.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2023/TLST - TCDS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST - TCDS ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị A – Sinh năm 1952;
Nơi cư trú: Đội X, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.
Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị A là anh Trần Văn D, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Đội X, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Ông Lương Văn B – Sinh năm 1971;
Bà Nguyễn Thị C – Sinh năm 1974;
Nơi cư trú: Đội Z, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh D, ông B và bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị A là anh Trần Văn D trình bày: Anh là cháu ngoại của bà Trần Thị A. Bà Trần Thị A là bà dâu của vợ chồng ông Lương Văn B bà Nguyễn Thị C. Trên mối quan hệ anh em với nhau nên ngày 27/9/2022 bà A có cho vợ chồng ông Lương Văn B bà Nguyễn Thị C vay số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) để làm ăn kinh tế. Khi vay hai bên đã viết giấy vay tiền với nhau và thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 27/9/2022 và hai bên thỏa thuận miệng với nhau là khi nào bà A lấy lại số tiền gốc thì báo trước một tuần. Đây là số tiền tích góp tiết kiệm của bà A. Sau khi cho vay vợ chồng ông B bà C đã thanh toán lãi cho bà A đến hết tháng 11/2022. Sau đó, đến cuối năm 2022 bà A đã yêu cầu vợ chồng ông B bà C thanh toán số tiền trên cho bà A nhưng ông B bà C thông báo vỡ nợ và không thanh toán cho bà A một khoản tiền nào. Bà A đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông B bà C thanh toán số tiền đã vay nhưng ông B bà C không thanh toán cho bà A một khoản tiền nào khác. Nay anh là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị A yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc đã vay cho bà A là: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Về hình thức thanh toán: Anh Trần Văn D yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán toàn bộ số gốc cho bà A theo quy định.

Lời khai của ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C tại các buổi làm việc với tũa án cũng như tại phiên tòa trình bày: Vợ chồng ông bà và bà Trần Thị A là anh em với nhau, bà A là chị dâu của ông B. Trong quá trình làm ăn kinh tế thì vợ chồng ông bà có vay của bà Trần Thị A số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) vào ngày 27/9/2022. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền với nhau và thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 27/9/2022. Từ khi vay đến nay vợ chồng ông bà chưa thanh toán cho bà A khoản tiền gốc nào và đã thanh toán lãi đến hết tháng 11/2022. Đến cuối năm 2022 bà A đã yêu cầu vợ chồng ông bà thanh toán số tiền nợ trên nhưng do làm ăn thua lỗ dẫn đến vỡ nợ nên vợ chồng ông bà chưa có tiền thanh toán cho bà A. Nay bà Trần Thị A yêu cầu vợ chồng ông bà thanh toán số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi thì vợ chồng ông bà thống nhất vợ chồng ông bà có vay của bà Trần Thị A số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Về hình thức thanh toán: Ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C xác định do làm ăn khó khăn nên ông bà xin để bán đất rồi thanh toán số nợ cho bà A.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các điều 463; 466; 468 469 và 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A. Buộc vợ chồng ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho bà Trần Thị A số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*); Về án dân sự sơ thẩm đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của các bên đương sự có đủ cơ sở khẳng định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hiện bị đơn là anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị C đang cư trú tại huyện N do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tũa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị A là anh Trần Văn D cung cấp là 01 bản gốc "Giấy vay tiền" ghi ngày 27/9/2022 có nội dung bà Trần Thị A có cho vợ chồng ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C vay số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) với lãi suất là 1%/tháng từ ngày 27/9/2022. Tại giấy mượn tiền ghi lãi suất nhưng không ghi thời hạn trả nợ; có chữ ký, chữ viết của người vay là ông Lương Văn B bà Nguyễn Thị C nên đây là hợp đồng vay tài sản có lãi, không có thời hạn.

[2.2] Về số tiền vay:

Căn cứ vào 01 bản gốc "Giấy vay tiền" ghi ngày 27/9/2022 có nội dung bà Trần Thị A có cho vợ chồng ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C vay số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C đều xác định đây là khoản vay

chung của hai vợ chồng ông bà để làm ăn. Từ khi vay đến nay vợ chồng ông B bà C đã thanh toán cho bà Trần Thị A tiền lai đến tháng 11/2022 sau đó do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông B bà C chưa thanh toán cho bà A được khoản tiền nào khác. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều thống nhất xác định ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C đã vay của bà Trần Thị A số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) là có thật.

Đến đầu năm 2023 do làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông B bà C tuyên bố vỡ nợ và không có tiền thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho bà A. Nay bà A yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn B bà Nguyễn Thị C thanh toán số tiền vay của bà là: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Phía ông B bà C cũng xác nhận còn vay của bà Băng số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng có quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A về việc yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán số nợ gốc cho bà A là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

[2.3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị A không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468; 469 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A cụ thể: Buộc vợ chồng ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho bà Trần Thị A số nợ gốc đã vay là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị A có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lương Văn B, bà Nguyễn Thị C chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị C phải nộp 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai có mặt anh D, ông B và bà C. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thỏ a thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Nghĩa Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Chủng